

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Tên dự án: Dịch vụ công, sự nghiệp công, sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn phường Tuần Châu năm 2026.

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Dịch vụ công, sự nghiệp công, sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn phường Tuần Châu năm 2026.

3. Địa điểm thực hiện: Phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

4. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách Nhà nước và nguồn thu tiền giá dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường Tuần Châu năm 2026.

5. Chủ đầu tư: Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Tuần Châu.

6. Thời gian hoàn thành: đến 31/12/2026.

7. Phạm vi công việc của gói thầu:

Duy trì chăm sóc cây xanh đô thị, cắt dọn cỏ dại; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng; Xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt; Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng; Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn phường Tuần Châu, cụ thể:

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
I	Các hạng mục				
1	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt				
1.1	Thu gom thủ công đồng thời chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết	364	1.783,60	km	Hàng ngày
1.2	Thu gom thủ công đồng thời chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	364	14.229,49	km	Hàng ngày
1.3	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn (với cự ly bình quân 35<L≤40 km).	365	7.928,42	1 tấn rác	Hàng ngày
1.4	Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng 5 tấn (với cự ly bình quân 35<L≤40 km).	122	121,67	1 tấn rác	3 ngày/lần
1.5	Vé thu phí đường bộ tại trạm thu phí Đại Yên, thành phố Hạ Long (2 xe/quý, 04 quý/năm)	4	8,00	Xe/năm	1 quý/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
1.6	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	182	1.820,00	điểm	2 ngày/lần
2	Vệ sinh công cộng				
2.1	Duy trì vệ sinh đường phố bằng thủ công	364	1.783,60	Km	Hàng ngày
2.2	Quét, gom rác đường phố bằng thủ công, quét hè	182	405,89	10.000m ²	2 ngày/lần
2.3	Quét rác đường phố bằng cơ giới	182	1.783,60	Km	2 ngày/lần
2.4	Tưới nước rửa đường bằng xe bồn dung tích >10m ³	182	891,80	Km	2 ngày/lần
2.5	Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường	182	31,21	Km	2 ngày/lần
3	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt				
3.1	Khối lượng rác thải rắn sinh hoạt khu vực phường Tuần Châu	365	7.928,42	Tấn	Hàng ngày
4	Cây xanh: Đoạn mở rộng QL 18 nút giao thông đường Cao tốc HL – VD đến đường Hoàng Quốc Việt				
4.1	Tưới nước thâm cỏ công viên, vườn hoa (cỏ thuần chủng) bằng ô tô tưới nước	86	11.320,328	100m ² /lần	4 ngày/lần
4.2	Phát thâm cỏ (cỏ thuần chủng) bằng máy	6	789,790	100m ² /lần	2 tháng/lần
4.3	Xén lê cỏ (cỏ nhung)	12	64,140	100m ² /lần	1 tháng/lần
4.4	Làm cỏ tạp	12	1.579,581	100m ² /lần	1 tháng/lần
4.5	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	2	263,263	100m ² /lần	6 tháng/lần
4.6	Bón phân cỏ	2	263,263	100m ² /lần	6 tháng/lần
4.7	Tưới nước cây hàng rào (cây bờ viền) bằng ô tô tưới nước	86	6.540,997	100m ² /lần	4 ngày/lần
4.8	Duy trì cây hàng rào (cây bờ viền)- Hàng rào < 1m	1	76,058	100m ² /năm	01 năm/lần
4.9	Tưới cây cảnh tạo hình (cây sanh thế) bằng ô tô tưới nước	86	1,720	100cây/lần	4 ngày/lần
4.10	Duy trì cây cảnh tạo hình (cây sanh thế)	1	0,020	100 cây/năm	01 năm/lần
4.11	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào (thảm cây lá màu) bằng ô tô tưới nước	86	2.507,072	100m ² /lần	4 ngày/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
4.12	Duy trì bồn cảnh (thảm lá màu)-Không có hàng rào	1	29,152	100m2/năm	01 năm/lần
4.13	Duy trì cây bóng mát loại 1 (cọ, chà là)	1	1.381,000	Cây/năm	01 năm/lần
4.14	Duy trì cây bóng mát loại 1 (xoài)	1	810,000	Cây/năm	01 năm/lần
5	Cây xanh: Đoạn mở rộng QL 18 đoạn từ nút giao thông đường Hoàng Quốc Việt – hết địa bàn khu Đền Đền (hướng về cầu Bãi Cháy)				
5.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1	27,000	Cây/năm	01 năm/lần
5.2	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào (thảm cây lá màu) bằng ô tô tưới nước	86	21,586	100m2/lần	4 ngày/lần
5.3	Duy trì bồn cảnh (thảm lá màu)-Không có hàng rào	1	0,251	100m2/năm	01 năm/lần
6	Cắt cỏ dại bằng máy tuyến đường QL 18A từ nút giao thông Minh Khai đến nút giao Hoàng Quốc Việt				
6.1	Phát cỏ dại bằng máy	6	200,00	100m2/lần	2 tháng/lần
7	Cây xanh nút giao thông Minh Khai (Dự kiến tiếp nhận năm 2026)				
7.1	Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa (cỏ thuần chủng) bằng ô tô tưới nước	86	41.030,600	100m2/lần	4 ngày/lần
7.2	Phát cỏ (cỏ thuần chủng) bằng máy	6	2.862,600	100m2/lần	2 tháng/lần
7.3	Xén lề cỏ (cỏ nhung)	12	1.621,860	100md/lần	1 tháng/lần
7.4	Làm cỏ tạp	12	5.725,200	100m2/lần	1 tháng/lần
7.5	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	2	954,200	100m2/lần	6 tháng/lần
7.6	Bón phân thảm cỏ	1	477,100	100m2/lần	01 năm/lần
7.7	Tưới nước cây hàng rào (cây bờ viên) bằng ô tô tưới nước	86	17.669,732	100m2/lần	4 ngày/lần
7.8	Duy trì cây hàng rào (cây bờ viên) - Hàng rào cao < 1m	1	205,462	100m2/năm	01 năm/lần
7.9	Tưới cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	86	823,880	100cây/lần	4 ngày/lần
7.10	Duy trì cây cảnh tạo hình	1	9,580	100 cây/năm	01 năm/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
7.11	Tưới nước cây cảnh tạo hình (cây cọ lùn, nga my, vạn tuế, cau cảnh, ...) bằng ô tô tưới nước	86	378,400	100 Cây/lần	4 ngày/lần
7.12	Duy trì cây cảnh tạo hình (cây nga my, vạn tuế, cau cảnh, cọ lùn, ...)	1	4,400	100 Cây/năm	01 năm/lần
7.13	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào (thảm cây lá màu) bằng ô tô tưới nước	1	8.052,180	100m ² /lần	01 năm/lần
7.14	Duy trì bồn cảnh (thảm lá màu)-Không có hàng rào	6	93,630	100m ² /năm	2 tháng/lần
7.15	Duy trì cây bóng mát loại 1 (cây cọ, chà là)	86	693,000	Cây/năm	4 ngày/lần
7.16	Phát cỏ đại bằng máy	1	2.213,887	100m ² /lần	01 năm/lần
8	Thảm hoa hai bên đường vào trụ sở Đảng ủy, HĐND phường Tuần Châu				
8.1	Tưới nước cây hàng rào (cây bờ viền) bằng ô tô tưới nước	86	215,000	100m ² /lần	4 ngày/lần
8.2	Duy trì cây hàng rào (cây bờ viền)- Hàng rào < 1m	6	2,500	100m ² /năm	2 tháng/lần
9	Cây xanh dọc đường sắt khu vực Đại Yên				
9.1	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách (cỏ không thuận chủng) bằng ô tô tưới nước	86	12.201,680	100m ² /lần	4 ngày/lần
9.2	Phát cỏ bằng máy (cỏ không thuận chủng)	6	851,280	100m ² /lần	2 tháng/lần
9.3	Tưới nước cây hàng rào (cây bờ viền) bằng ô tô tưới nước	86	425,184	100m ² /lần	4 ngày/lần
9.4	Duy trì cây hàng rào (cây bờ viền) - Hàng rào cao < 1m	1	4,944	100m ² /năm	01 năm/lần
9.5	Tưới cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	86	1.126,600	100 cây/lần	4 ngày/lần
9.6	Duy trì cây cảnh tạo hình (ngâu, tùng, phi lao)	1	13,100	100 cây/năm	01 năm/lần
9.7	Tưới cây cảnh tạo hình (cây vạn tuế, cọ lùn, cau đê) bằng ô tô tưới nước	86	330,240	100 Cây/lần	4 ngày/lần
9.8	Duy trì cây cảnh tạo hình (cây vạn tuế, cọ lùn, cau đê)	1	3,840	100 Cây/năm	01 năm/lần
9.9	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào (thảm cây lá màu) bằng ô tô tưới nước	86	813,216	100m ² /lần	4 ngày/lần
9.10	Duy trì bồn cảnh (thảm lá màu)-Không có hàng rào	1	9,456	100m ² /năm	01 năm/lần
10	Khuôn viên trụ sở UBND phường Tuần Châu				

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
10.1	Tưới nước cây hàng rào (cây bờ viền) bằng thủ công	86	11,610	100m ² /lần	4 ngày/lần
10.2	Duy trì cây hàng rào (cây bờ viền) - Hàng rào cao < 1m	1	0,135	100m ² /năm	01 năm/lần
10.3	Tưới cây cảnh tạo hình bằng thủ công	86	8,600	100 cây/lần	4 ngày/lần
10.4	Duy trì cây cảnh tạo hình	1	0,100	100 cây/năm	01 năm/lần
10.5	Tưới cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	86	1,720	100 chậu/lần	4 ngày/lần
10.6	Thay đất, phân chậu cảnh	1	0,020	100 chậu/lần	01 năm/lần
10.7	Duy trì cây cảnh trồng chậu	1	0,020	100 chậu/năm	01 năm/lần
10.8	Duy trì cây bóng mát loại 1	1	11,000	Cây/năm	01 năm/lần
11	Cắt tỉa, chặt hạ cây xanh trong các khu phố trên địa bàn Phường				
11.1	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn, cây loại 1	1	1,0	1cây	01 năm/lần
11.2	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn, cây loại 2	1	8,0	1cây	01 năm/lần
11.3	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn, cây loại 3	1	5,0	1cây	01 năm/lần
11.4	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao, cây loại 1	1	5,0	1cây/lần	01 năm/lần
11.5	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao, cây loại 2	1	23,0	1cây/lần	01 năm/lần
11.6	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao, cây loại 3	1	5,0	1cây/lần	01 năm/lần
12	Vận hành bằng trung tâm điều khiển				
12.1	Duy trì trạm 2 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến < 500m	365	1	Trạm	Hằng ngày
12.2	Duy trì trạm 2 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến 500-1000m	365	1	Trạm	Hằng ngày
12.3	Duy trì trạm 2 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến 1000-1500m	365	4	Trạm	Hằng ngày
12.4	Duy trì trạm 2 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến 1500-3000m	365	11	Trạm	Hằng ngày

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
12.5	Duy trì trạm 2 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến >3000m	365	2	Trạm	Hằng ngày
13	Vận hành 2 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ				
13.1	Duy trì trạm 2 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ, chiều dài tuyến từ 500 - 1000 m	365	1	Trạm	Hằng ngày
14	Chi phí đường truyền mạng (sim >=3G)	12 tháng	19	Tủ	Cả năm
15	Quản lý vận hành trạm biến thế				
15.1	Quản lý, kiểm tra trạm biến thế đèn công cộng (2 lần/tháng)	2 lần/tháng	96	Lần	2 lần/tháng
16	Thay thế vật tư				
16.1	Gioang ty sứ cao thế, hạ thế Máy biến áp	1	2	bộ	01 năm/lần
16.2	Bổ sung dầu máy biến áp	1	60	Lít	01 năm/lần
16.3	Thay gioăng xả đáy Máy biến áp (Mỗi trạm 2 bộ)	1	2	bộ	01 năm/lần
16.4	Ống chì trong tủ RMU	1	2	Bộ (3 cái)	01 năm/lần
16.5	Lắp đặt dao cách ly 3 pha ngoài trời, loại <=35kV, không tiếp đất	1	1	bộ	01 năm/lần
16.6	Tháo hạ dao cách ly 3 pha ngoài trời, loại <=35kV, không tiếp đất	1	1	bộ	01 năm/lần
16.7	Thay cầu chì tự rơi 35 (22) kV	1	1	1 bộ (3pha)	01 năm/lần
16.8	Thay chống sét van <=35kV	1	1	1 bộ (3pha)	01 năm/lần
16.9	Thay chống sét van hạ thế GZ500	1	1	1 bộ (3pha)	01 năm/lần
16.10	Cây dòng tiếp địa (sắt \varnothing 12 - 1 cây 6m)	3	3	cây	01 năm/lần
16.11	Thay dây trung tính	3	3	m	01 năm/lần
16.12	Chi phí đảm bảo an toàn cho đơn vị ngoài làm việc trên lưới điện Công ty Điện lực Quảng Ninh, khu vực 1 (551/QĐ-PCQN)	1	1	Phương án	01 năm/lần
16.13	Chi phí nghiệm thu đóng điện tủ RMU của Công ty Điện lực (584/QĐ-PCQN, lấy bằng TBA trụ 250kVA)	1	1	Lần	01 năm/lần
17	Thí nghiệm vật tư sau thay thế				
17.1	Thí nghiệm dao cách ly thao tác bằng cơ khí, điện áp <=35 (KV)	1	1	1bộ (3 pha)	01 năm/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
17.2	Thí nghiệm chống sét van Điện áp 22÷35 (KV)	1	1	bộ (3pha)	01 năm/lần
17.3	Thí nghiệm chống sét van hạ thế Gz500	1	1	bộ (3pha)	01 năm/lần
17.4	Thí nghiệm tiếp đất trạm biến áp, điện áp <=35 (KV)	1	2	hệ thống	01 năm/lần
17.5	Thí nghiệm các Vật tư thay thế: Thí nghiệm cầu chì tự rơi 35 (22) kV	1	1	1 bộ (3pha)	01 năm/lần
17.6	Thí nghiệm sau sự cố: Thí nghiệm Máy biến áp	1	2	1 máy	01 năm/lần
18	Thí nghiệm định kỳ				
18.1	Thí nghiệm máy biến áp U 22÷35KV, 3pha, công suất <=1MVA	1	4	1 máy	01 năm/lần
18.2	Thí nghiệm dao cách ly thao tác bằng cơ khí, điện áp <=35 (KV)	1	1	1bộ (3 pha)	01 năm/lần
18.3	Thí nghiệm cấp lực, điện áp >1÷35 (KV)	1	7	1sợi, 1ruột	01 năm/lần
18.4	Thí nghiệm cấp lực, điện áp <=1(KV)	1	15	01 sợi, 1 ruột	01 năm/lần
18.5	Thí nghiệm aptomat và khởi động từ < 300A, dòng điện < 300 (A)	1	13	1 cái	01 năm/lần
18.6	Thí nghiệm chống sét van hạ thế Gz - 500	1	4	bộ (3pha)	01 năm/lần
18.7	Thí nghiệm chống sét van Điện áp 22÷35 (KV)	1	1	bộ (3pha)	01 năm/lần
18.8	Thí nghiệm tiếp đất trạm biến áp, điện áp <=35 (KV)	1	4	hệ thống	01 năm/lần
18.9	Thí nghiệm Ampemét AC (1 trạm 03 cái)	1	12	1 cái	01 năm/lần
18.10	Thí nghiệm Vôn mét AC (01 trạm 01 cái)	1	4	1 cái	01 năm/lần
18.11	Thí nghiệm biến dòng điện - $U \leq 1 \text{ kV}$; $U \leq 15 \text{ kV}$; $U 22 - 35 \text{ kV}$, cấp điện áp biến dòng điện $U \leq 1 \text{ kV}$	1	4	3 pha	01 năm/lần
18.12	Thí nghiệm cầu chì tự rơi 35 (22) kV	1	1	1bộ (3 pha)	01 năm/lần
18.13	Khu vực Hạ Long (theo địa giới hành chính năm 2019) - Phần thí nghiệm định kỳ (1 năm 1 lần): Thí nghiệm tủ RMU 22÷35kV không có máy cắt	1	3	Tủ	01 năm/lần
18.14	Thí nghiệm dao cách ly thao tác bằng cơ khí, điện áp <=35 (KV), tiếp đất 1 phía $K_{nc}=K_{mtc}=1,1$	1	6	1bộ (3 pha)	01 năm/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
18.15	Thí nghiệm cầu chì 35 (22) kV, K=0,1	1	3	1bộ (3 pha)	01 năm/lần
18.16	Thí nghiệm thanh cái, điện áp định mức <= 35kV	1	3	01 phân đoạn	01 năm/lần
19	Kết thúc nhóm: Khu vực Hạ Long (theo địa giới hành chính năm 2019) - Phần thí nghiệm định kỳ (1 năm 1 lần): Thí nghiệm tủ RMU 22÷35kV không có máy cắt				
19.1	Thí nghiệm mẫu dầu trong máy biến áp, thí nghiệm điện áp xuyên thùng	1	2	01 mẫu	01 năm/lần
19.2	Thí nghiệm mẫu dầu trong máy biến áp, thí nghiệm tgđ của dầu cách điện	1	2	01 mẫu	01 năm/lần
20	Vệ sinh, bảo dưỡng				
20.1	Vệ sinh bảo dưỡng Đầu cáp enbow, T-plug (bôi mỡ cách điện), 3 pha K=1,2	1	3	3 pha	01 năm/lần
20.2	Vệ sinh bảo dưỡng dao cách ly không tiếp đất, điện áp 22-35kV (lau chùi cách điện; vệ sinh xử lý các tiếp xúc điện), 3 pha K=1,2	1	1	3 pha	01 năm/lần
20.3	Sửa chữa, bảo dưỡng RMU trung thế loại 1 ngăn 3 phần tử	1	3	ngăn	01 năm/lần
20.4	Vệ sinh bảo dưỡng cầu chì tự rơi 22-35kV	1	1	3 pha	01 năm/lần
20.5	Vệ sinh bảo dưỡng biến dòng điện loại biến dòng U <=1 (KV)	1	4	1 máy	01 năm/lần
20.6	Vệ sinh bảo dưỡng chống sét van hạ thế	1	4	3 pha	01 năm/lần
20.7	Vệ sinh bảo dưỡng chống sét van 22-35kV	1	1	3 pha	01 năm/lần
20.8	Vệ sinh bảo dưỡng aptomat	1	13	3 pha	01 năm/lần
20.9	Vệ sinh bảo dưỡng Máy biến áp (Tháo, lắp vệ sinh các chi tiết đầu cực, cách điện. Sơn lại cách điện)	1	4	1 máy	01 năm/lần
20.10	Vệ sinh bảo dưỡng đồng hồ A	1	4	3 pha	01 năm/lần
20.11	Vệ sinh bảo dưỡng đồng hồ	1	4	1 pha	01 năm/lần
21	Sửa chữa bóng đèn Led không sáng				
21.1	Thay bộ chống sét lan truyền SPD 10KV, chiều cao cột H <12m	1	150,0	1 bộ	01 năm/lần
21.2	Thay bộ nguồn từ 10-50W, chiều cao cột H <12m	1	20,0	1 bộ	01 năm/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
21.3	Thay bộ nguồn 40W, chiều cao cột H <12m	1	30,0	1 bộ	01 năm/lần
21.4	Thay bộ nguồn 65W, chiều cao cột H <12m	1	50,0	1 bộ	01 năm/lần
21.5	Thay bộ nguồn 100W, chiều cao cột H <12m	1	120,0	1 bộ	01 năm/lần
21.6	Thay bộ nguồn 150W, chiều cao cột H <12m	1	150,0	1 bộ	01 năm/lần
21.7	Thay bộ nguồn từ 200-300W, chiều cao cột $12 \leq H < 18m$	1	10,0	1 bộ	01 năm/lần
21.8	Thay bộ nguồn từ 300- 600W, chiều cao cột $18 \leq H < 24m$	1	10,0	1 bộ	01 năm/lần
21.9	Thay bộ Panel chip led 40W-80W chiều cao cột H <12m	1	20,0	1 bộ	01 năm/lần
21.10	Thay bộ Panel chip led 90W-160W chiều cao cột H <12m	1	30,0	1 bộ	01 năm/lần
22	Công tác thay cáp				
22.1	Thay cáp treo bằng máy	1	125,0	40m	01 năm/lần
22.2	Thay dây lên đèn	1	20,0	40m	01 năm/lần
22.3	Thay cáp ngầm nền hệ phố Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x25+1x16mm ²	1	5,0	40m	01 năm/lần
22.4	Thay cáp ngầm nền hệ phố Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10mm ²	1	10,0	40m	01 năm/lần
22.5	Thay cáp ngầm nền hệ phố Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x10+1x6mm ²	1	5,0	40m	01 năm/lần
22.6	Cất mặt đường bê tông Asphan chiều dày lớp cốt $\leq 7cm$	1	1,0	100m	01 năm/lần
22.7	Vá mặt đường bê tông nhựa bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn - Chiều dày mặt đường đã lèn ép 7cm	1	5,0	10m ²	01 năm/lần
22.8	Hoàn trả nền đá vỉa hè - Tiết diện đá $\leq 0,16m^2$ (tận dụng lại 70% đá lát vỉa hè)	1	192,0	m ²	01 năm/lần
22.9	Hoàn trả nền bê tông vỉa hè	1	19,2	m ³	01 năm/lần
22.10	Hoàn trả vỉa hè, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$	1	128,0	m ²	01 năm/lần
22.11	Hoàn trả nền bê tông (lớp lót) vỉa hè	1	12,8	m ³	01 năm/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
22.12	Lắp đặt ống nhựa bảo vệ cáp D ≤67mm	1	6,4	100m	01 năm/lần
22.13	Đắp đất rãnh cáp bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,85	1	2,2	100m ³	01 năm/lần
23	Công tác khác				
23.1	Thay Aptomat 3 pha cường độ dòng điện ≤ 100A	1	5,0	cái	01 năm/lần
23.2	Thay Aptomat 1 pha cường độ dòng điện ≤ 100A	1	50,0	cái	01 năm/lần
23.3	Tháo hạ cột để luồn dây lên đèn, Lắp dựng lại cột chiều cao cột ≤12m bằng máy	1	10,0	1 cột	01 năm/lần
23.4	Nắn chỉnh cột điện nghiêng (VD. 70% đơn giá Lắp dựng cột thép, cột gang chiều cao cột ≤12m bằng máy)	1	10,0	1 cột	01 năm/lần
23.5	Thay bộ điều khiển tại tủ khu vực	1	2,0	bộ	01 năm/lần
23.6	Thay Contactor 3P-65A	1	15,0	cái	01 năm/lần
23.7	Thay rơ le thời gian điện tử 1 kênh	1	5,0	1 cái	01 năm/lần
23.8	Thay rơ le điện tử 2 kênh	1	5,0	1 cái	01 năm/lần
23.9	Thay rơ le trung gian 220V 5A	1	5,0	1 cái	01 năm/lần
23.10	Thay bảng điện cửa cột	1	30,0	bảng	01 năm/lần
23.11	Thay vỏ tủ ĐKCS 3 ngăn KT 1200x600x350mm	1	2,0	cái	01 năm/lần
23.12	Thay tủ ĐKCS ngăn 100A, KT 600x1200x350x1,5mm	1	1,0	Tủ	01 năm/lần
23.13	Lắp cửa cột đèn chiếu sáng (Đèn trang trí)	1	20,0	1 cửa	01 năm/lần
23.14	Lắp cửa cột đèn 14m, 17m	1	100,0	1 cửa	01 năm/lần
23.15	Thay ắc quy lưu điện 12V 4Ah	1	0,5	10 bình	01 năm/lần
23.16	Thay cột đèn, cột sắt cao 11m	1	2,0	1 cột	01 năm/lần
23.17	Thay cột đèn, cột sắt cao 10m	1	1,0	1 cột	01 năm/lần
23.18	Thay cột đèn, cột sắt cao 8m	1	2,0	1 cột	01 năm/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
23.19	Lắp cần đèn PT 06 đơn, chiều dài cần đèn 2m vươn 1,5m, chiều dài cần đèn ≤2,8m	1	3,0	1 cần đèn	01 năm/lần
23.20	Đánh số cột đèn	1	50,0	10 cột	01 năm/lần
24	Sửa chữa thiết bị của bộ ĐKTT				
24.1	Thay cầu chì ống trong bộ điều khiển trung tâm	1	20,0	cái	01 năm/lần
24.2	Thay thế modul sim (trong bộ ĐKTT)	1	5,0	Bộ	01 năm/lần
24.3	Thay thế màn hình (trong bộ ĐKTT)	1	2,0	Bộ	01 năm/lần
24.4	Sửa khối điều khiển rơ le đóng cắt (trong bộ ĐKTT)	1	3,0	Bộ	01 năm/lần
24.5	Sửa khối đo lường (trong bộ ĐKTT)	1	3,0	Bộ	01 năm/lần
24.6	Thay bộ nguồn 15Vdc 2,4A (trong bộ ĐKTT)	1	2,0	Bộ	01 năm/lần
24.7	Thay bộ quản lý ắc quy (trong bộ ĐKTT)	1	2,0	Bộ	01 năm/lần
24.8	Thay bộ chuyển mạch (trong bộ ĐKTT)	1	2,0	Bộ	01 năm/lần
24.9	Thay Khối thời gian thực (bộ ĐKTT)	1	2,0	Bộ	01 năm/lần
25	Vật tư				
25.1	Đèn chiếu sáng đường phố, bóng Led 160W	1	5,0	Bộ	01 năm/lần
25.2	Đèn chiếu sáng đường phố, bóng Led 140W	1	20,0	Bộ	01 năm/lần
25.3	Đèn chiếu sáng đường phố, bóng Led 120W	1	30,0	Bộ	01 năm/lần
25.4	Đèn chiếu sáng đường phố, bóng Led 100W	1	10,0	Bộ	01 năm/lần
25.5	Đèn chiếu sáng đường phố, bóng Led 80W	1	30,0	Bộ	01 năm/lần
25.6	Đèn chiếu sáng đường phố, bóng Led 60W	1	100,0	Bộ	01 năm/lần
25.7	Đèn chiếu sáng đường phố, bóng Led 40W	1	80,0	Bộ	01 năm/lần
25.8	Đèn chiếu sáng trang trí, bóng Led 56W	1	5,0	Bộ	01 năm/lần
25.9	Khung móng cột đèn chiếu sáng KT M24x300x300x675	1	2,0	Bộ	01 năm/lần

STT	Danh mục dịch vụ	Số lần thực hiện	Khối lượng thực hiện	Đơn vị tính	Tần suất thực hiện
25.10	Thay ghíp 2 bulong GN25-50	1	150,0	Bộ	01 năm/lần
25.11	Kẹp siết cáp 4x16mm ²	1	60,0	Cái	01 năm/lần
25.12	Môi nối cáp treo	1	10,0	Bộ	01 năm/lần
25.13	Hộp nối cáp ngầm 3x16+1x10mm ²	1	4,0	Hộp	01 năm/lần
26	Thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt				
26.1	Thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Tuần Châu năm 2026 đối với các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cá nhân, hộ gia đình có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (theo quy định tại khoản 5 Điều 58 của Nghị định 08/2022 ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Chi phí thu giá dịch vụ sẽ được các bên nghiệm thu, xác nhận làm cơ sở đối trừ chi phí thực hiện gói thầu				

II. Mục tiêu công việc:

Thực hiện các nội dung theo Phạm vi công việc của gói thầu đồng bộ và hiệu quả nhằm đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, đảm bảo sức khỏe người dân, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đảm bảo môi trường du lịch; Quản lý, duy trì chăm sóc vườn hoa, tiểu cảnh, cây xanh đô thị, cắt cỏ dại; Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí; Duy trì, quản lý và sửa chữa máy biến thế đèn công cộng trên địa bàn phường Tuần Châu năm 2026.

III. Yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật của gói thầu:

1. Yêu cầu chung về kỹ thuật:

Các hạng mục công việc phải được thực hiện đầy đủ các thành phần công việc theo đúng quy trình kỹ thuật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành và các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đảm bảo khối lượng, chất lượng.

1.1. Yêu cầu kỹ thuật về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

a. Yêu cầu chung

- Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông theo quy định;
- Có kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, chất thải, cháy nổ và các sự cố khác theo quy định;

- Khuyến khích đầu tư, đổi mới các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chấp hành đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định.

b. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng chủng loại, lịch trình được phân công;

- Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí thu gom;

- Không tiếp nhận, vận chuyển chất thải vượt quá tải trọng hoặc thể tích chứa của phương tiện. Che phủ kín đối với phương tiện trong trường hợp không có nắp đậy khi di chuyển;

- Kịp thời khắc phục sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại và thông báo cho người có thẩm quyền theo quy định.

- Nhà thầu phải có cam kết thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt đến điểm tập kết tạm, cơ sở xử lý bằng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, rò rỉ nước rỉ rác, phát tán mùi ra ngoài môi trường.

- Nhà thầu phải có phương án ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ chất thải đối với trường hợp đang trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển chất thải.

- Xả thải, đổ phế thải, dầu mỡ theo đúng vị trí quy định, tuyệt đối nghiêm cấm xả thải, dầu mỡ xuống kênh mương, rãnh, cống.

- Nhà thầu có trách nhiệm tự kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư có quyền tạm ngừng công việc và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

- Nếu nhà thầu để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình cung cấp dịch vụ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

- Nhà thầu phải đưa ra giải pháp cung cấp dịch vụ hợp lý, giải pháp phòng chống ảnh hưởng của công tác cung cấp dịch vụ đến các công trình hạ tầng xung quanh. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm từ bồi thường về kinh tế... Có thể truy cứu trách nhiệm hình sự nếu công tác cung cấp dịch vụ gói thầu gây hư hại cho các công trình hạ tầng xung quanh.

1.2. Yêu cầu kỹ thuật các hạng mục Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, Vệ sinh công cộng:

Thực hiện các hạng mục theo Phạm vi cung cấp đúng quy trình kỹ thuật theo các nội dung quy định tại Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày phải được thu gom triệt để, đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh, không tồn đọng tại các điểm tập kết, không có ý kiến phản ánh tiêu cực từ nhân dân.

a. Yêu cầu phương tiện thu gom, vận chuyển:

*** Đối với phương tiện thu gom:**

- Phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm tập kết tạm phải chất lượng, thùng chứa phải kín khít, bảo đảm không rơi vãi chất thải, rò rỉ nước rác ra môi trường trong quá trình hoạt động.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra, thay thế hoặc sửa chữa các phương tiện thu gom không đảm bảo chất lượng.

*** Đối với phương tiện vận chuyển:**

- Tất cả các phương tiện chuyên dụng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, xe quét đường phải được lắp đặt thiết bị định vị trước thời điểm ký hợp đồng.

- Phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải. Xe chuyên dụng cuốn ép chất thải rắn sinh hoạt phải có thiết bị lưu chứa nước rỉ rác.

- Thường xuyên phải vệ sinh, phun xịt khử mùi trước khi ra khỏi khu vực điểm tập kết tạm, cơ sở xử lý và sau khi hoàn thành thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải bảo đảm không rơi vãi, rò rỉ nước rỉ rác, phát tán mùi trong quá trình vận chuyển.

- Phương tiện vận chuyển chất thải công kênh phải được che phủ bạt kín, chằng buộc chặt chẽ (nếu cần), tránh trường hợp chất thải công kênh rơi vãi trong quá trình vận chuyển. Thùng xe không bị hư hỏng, rách vỡ vò và không ngấm, rò rỉ nước rác, phát tán chất thải, mùi ra môi trường.

- Khuyến khích việc áp dụng các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, thân thiện môi trường và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

1.3. Yêu cầu đối với các điểm tập kết tạm chất thải rắn sinh hoạt: Phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định sau:

- Điểm tập kết tạm được bố trí bảo đảm kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; bán kính phục vụ thu gom tại hộ gia đình, tổ chức, cá nhân và khoảng cách an toàn môi trường; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.

- Điểm tập kết tạm phải bố trí thiết bị lưu chứa chất thải có dung tích phù hợp với

thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường;

- Thường xuyên thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động; không để nước rỉ rác tồn đọng qua ngày gây mất vệ sinh môi trường; điểm tập kết tạm hoạt động trong thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau phải có đèn chiếu sáng;

- Phải có cảnh báo đảm bảo an toàn theo quy định giao thông đối với các điểm tập kết tạm trong quá trình chuyển rác lên xe ép rác.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, cải tạo các điểm tập kết rác tạm bằng kinh phí của nhà thầu để đảm bảo mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường.

1.4. Yêu cầu kỹ thuật hạng mục Xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển vào khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải được xác nhận được khối lượng qua cân điện tử (bao gồm khối lượng đầu vào và khối lượng đầu ra để xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt cần xử lý bằng phương pháp đốt), khối lượng này thể hiện qua phiếu cân và phải được ký xác nhận bởi 03 bên (giám sát của Chủ đầu tư, lái xe và nhân viên trực cân).

- Thực hiện các thành phần công việc theo quy trình xử lý rác đúng quy trình được phê duyệt, lượng chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận phải được xử lý hết ngay trong ngày, không để rác tồn đọng gây mất vệ sinh môi trường.

- Trang bị phương tiện lao động, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

- Trang bị các phương tiện chuyên dụng vận chuyển và xử lý rác phải đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường; Vận hành các phương tiện chuyên dụng phải đảm bảo an toàn lao động.

a. Về công nghệ:

- Có khả năng tiếp nhận, phân loại chất thải, xử lý mùi, nước rỉ rác, khí thải, xử lý các loại chất thải rắn khác nhau; có khả năng mở rộng công suất, mức độ phù hợp về quy mô xử lý;

- Ưu tiên công nghệ đã được ứng dụng thành công, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường về thiết bị xử lý, tái chế chất thải và phù hợp với điều kiện Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

b. Về môi trường và xã hội:

- Bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

- Tiết kiệm diện tích sử dụng đất;

- Tiết kiệm năng lượng;

c. Về kinh tế:

- Chi phí xử lý phù hợp với khả năng chi trả của địa phương hoặc không vượt quá mức chi phí xử lý được cơ quan có thẩm quyền công bố;

- Khả năng tiêu thụ sản phẩm từ hoạt động tái chế chất thải;

- Tiềm năng và giá trị kinh tế mang lại từ việc tái sử dụng chất thải và các sản phẩm có ích được tạo ra sau xử lý;

- Tính phù hợp trong chi phí xây dựng và lắp đặt thiết bị; chi phí vận hành; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa.

1.5. Yêu cầu kỹ thuật về công tác vận chuyển:

Phải đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về giao thông đường bộ.

Phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và chất lượng vệ sinh theo quy định trong quá trình vận chuyển.

Phải đảm bảo vận chuyển hết khối lượng rác thải được thu gom về các khu xử lý trong ngày, không để rác lưu trữ qua ngày.

Phải đảm bảo tuân thủ công tác vận chuyển riêng biệt các loại chất thải đã được hộ gia đình, chủ nguồn thải phân loại tại nguồn khi cơ quan có thẩm quyền ban hành chủ trương thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

Phải đảm bảo thời gian hoạt động vận chuyển trên nguyên tắc hạn chế tối đa việc lưu thông vào giờ cao điểm.

Không được phép vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp; trường hợp phương tiện vận chuyển tiếp nhận chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp hoặc chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) có lẫn chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thì phải báo cáo kịp thời cho Chủ đầu tư.

Phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển (kín, không rò rỉ nước rỉ rác, miệng nắp đậy phải được phun xịt khử mùi sau khi tiếp nhận). Phương tiện vận chuyển CTRSH trước khi ra khỏi cơ sở xử lý CTRSH phải được vệ sinh sạch sẽ.

Phương tiện vận chuyển CTRSH phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được kết nối mạng thông tin trực tuyến để xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển. Dữ liệu, thông tin từ thiết bị giám sát hành trình phải được truyền về trung tâm quản lý giám sát phương tiện vận chuyển CTRSH của đơn vị và phải cung cấp khi chủ đầu tư yêu cầu.

Sử dụng phương tiện vận chuyển CTRSH áp dụng thống nhất trên địa bàn và phục vụ chương trình phân loại CTRSH tại nguồn tuân thủ quy cách kỹ thuật, thời gian áp dụng do chủ đầu tư quy định.

Xây dựng hệ thống phương tiện vận chuyển phải đảm bảo số lượng, đáp ứng yêu cầu về tải trọng và kỹ thuật để phục vụ cho công tác vận chuyển hiệu quả, kịp thời, nhanh chóng, không để ùn ứ tồn đọng CTRSH trên địa bàn và không tập trung quá nhiều xe vận chuyển tại một điểm khi đang thực hiện theo lộ trình vận chuyển.

*** Yêu cầu khác:**

+ Các xe gom rác đẩy tay, xe ép rác, vận chuyển rác không để nước rác rỉ ra môi trường, trong quá trình vận chuyển rác thực hiện tuân thủ quy định của Luật giao thông đường bộ, trường hợp trong quá trình nghiệm thu, cân xe phát hiện xe chở quá tải trọng

bên A sẽ không nghiệm thu, thanh toán đối với phần khối lượng rác vượt quá so với tải trọng cho phép theo đăng kiểm của xe, theo quy định của Pháp luật.

+ Đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định tại Thông tư 35/2024/TT-BTNMT ngày 18/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Tất cả các phương tiện phải đáp ứng yêu cầu về đăng ký, đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành; Các xe ép rác, vận chuyển rác phải được lắp đặt camera hành trình kết nối 4G trở lên; Các phương tiện đã đề xuất cho gói thầu này chỉ được bố trí phục vụ cho gói thầu này (nếu trúng thầu), nếu muốn sử dụng vào mục đích khác phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Hàng tháng, chiết xuất lịch trình xe để phục vụ công tác nghiệm thu và lưu trữ.

+ Công nhân vận hành, điều khiển phương tiện, thiết bị xe máy phải đảm bảo về bằng cấp, chứng chỉ theo quy định.

+ Nhà máy xử lý rác bằng phương pháp đốt phải đảm bảo đầy đủ điều kiện về kỹ thuật, thủ tục pháp lý để hoạt động bình thường, đáp ứng công việc yêu cầu của E-HSMT.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân và khi làm việc công nhân phải có đủ trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

1.6. Yêu cầu kỹ thuật về cây xanh:

- Đối với phương tiện chuyên dụng:

+ Tất cả các phương tiện chuyên dụng: Xe bồn tưới nước phải được lắp đặt thiết bị định vị trước thời điểm ký hợp đồng; phải được lắp đặt camera hành trình kết nối 4G trở lên.

+ Phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.

- Nhà thầu phải có trách nhiệm quản lý tài sản hệ thống cây xanh thảm cỏ thuộc gói thầu, kịp thời báo cáo những sự cố, hư hỏng, cây chết... (báo cáo qua điện thoại ngay khi sự cố xảy ra và báo cáo bằng văn bản trước 06 tiếng sau sự cố).

- Có trách nhiệm bảo vệ quản lý hệ thống cây xanh, thảm cỏ thuộc gói thầu.

- Nhà thầu phải tổ chức có hệ thống để kiểm tra chất lượng và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là “đạt” khi đáp ứng được các yêu cầu Thực hiện các thành phần công việc theo Quyết định 38/QĐ-BXD năm 2025 về Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

(1). Duy trì chăm sóc thảm cỏ:

* Tưới nước thảm cỏ thuần chủng và không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách, vườn hoa, công viên...)

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thảm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới những khu vực xa nguồn nước.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Lượng nước tưới: 5 lít/m² (cỏ thuần chủng); 6 lít/m² (cỏ không thuần chủng); số lần tưới 86 lần/365 ngày.

* Phát thảm cỏ thuần chủng và thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách, vườn hoa, công viên...)

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Phát thảm cỏ thường xuyên, duy trì thảm cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cỏ bằng 5cm. Tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt hoặc cắt bằng thủ công (dùng liềm).

- Số lần thực hiện : 6 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ đã cắt, rác sau khi thực hiện xong đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.

* Xén lề cỏ

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Xén thẳng lề cỏ theo chu vi, cách bó vỉa 10cm.

- Số lần thực hiện : 6 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ đã cắt, rác sau khi thực hiện xong đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.

* Làm cỏ tạp

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuần chủng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì có lẫn không quá 5% cỏ dại.

- Số lần thực hiện: 6 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ tạp đã nhổ, rác sau khi thực hiện xong đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.

* Trồng dặm cỏ

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị đầm nát; cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.

- Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.

- tỷ lệ trồng dặm 5%/100m²/năm.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

* Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Phun thuốc trừ sâu cỏ đảm bảo đúng, đủ theo định mức quy định.

- Phòng trừ sâu cỏ 2 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp chai lọ, vỏ thuốc sau khi thực hiện phun thuốc.

* Bón phân thảm cỏ

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Rải đều phân trên toàn bộ diện tích thảm cỏ, không thực hiện phón phân khi trời nắng gắt (nhiệt độ ngoài trời cao).

- Số lần thực hiện: 1 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

(2). Duy trì chăm sóc thảm hoa, bồn hoa

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.

- Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa, bồn cảnh, hàng rào: 5lít/m²; số lần tưới 86 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Công tác thay hoa bồn hoa

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc, xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.

- Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.

- Số lần thực hiện : 3 lần/365 ngày.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.

* Bón phân và xử lý đất bồn hoa

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.

- Bón đều phân vào gốc cây.

- Số lần thực hiện : 2 lần/365 ngày.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.

Phun thuốc trừ sâu bồn hoa:

- Được thực hiện 3 đợt tổng 05lần.

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Phun thuốc trừ sâu đảm bảo đúng, đủ theo định mức quy định.

- Dọn dẹp chai lọ, vỏ thuốc sau khi thực hiện phun thuốc.

(3). Duy trì bồn cảnh lá màu (bao gồm bồn cảnh ở công viên có hàng rào và không có hàng rào)

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm (tỷ lệ trồng dặm đối với công viên có hàng rào là 20%/năm, công viên không có hàng rào là 30%/năm).

- Nhổ bỏ cỏ dại (10 lần/365 ngày); cắt tỉa bấm ngọn (8 lần/365 ngày).

- Bón phân vi sinh (bón phân vi sinh 3 lần/365 ngày).

- Phun thuốc trừ sâu cho cây (phun 3 đợt, mỗi đợt 2 lần).

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

(4). Duy trì cây hàng rào, đường viên

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc 1 lần/ tháng (thực hiện 10 lần/365 ngày).

- Bón phân vi sinh 3 lần/365 ngày.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Trồng dặm cây hàng rào, đường viên**

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

(5). Duy trì cây cảnh tạo hình

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cây theo hình dạng phù hợp với hiện trạng 1 lần/ tháng (thực hiện 10 lần/365 ngày).

- Bón phân vi sinh (phân vi sinh 3 lần/365 ngày).
- Phun thuốc trừ sâu cho cây (phun 3 đợt, mỗi đợt 2 lần).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình**

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.

- Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình: 5lít/m²; số lần tưới 86 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

***) Phân loại cây bóng mát**

- Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.
- Cây bóng mát trồng sau 2 năm:
 - + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây $\leq 20cm$.
 - + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc $\leq 50cm$.
 - + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12m$ hoặc có đường kính gốc $> 50cm$

(7). Duy trì cây bóng mát loại 1

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động.

- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện 2 lần/365 ngày.
- Tẩy chồi thực hiện 3 lần/365 ngày.

- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/365 ngày.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện 10 lần/365 ngày.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cát dụng cụ tại nơi quy định.

(8). Duy trì cây bóng mát loại 2 :

- Nhận kế hoạch về việc thông báo cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông an toàn lao động.

- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối , sơn vết cắt thực hiện 2 lần/365 ngày.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 3 lần/365 ngày.
- Chống sửa cây nghiêng, thực hiện 1 lần/365 ngày
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 10 lần/365 ngày.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa , cát dụng cụ tại nơi quy định.

(9). Duy trì cây cau, dừa, chà là, cọ, nga mi, vạn tuế

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động.

- Chặt cành khô, tàu lá khô, bóc bẹ lá khô quanh thân cây thực hiện 03 lần/365 ngày.
- Bón phân vô cơ 02 lần/365 ngày.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây 03 đợt, mỗi đợt 2 lần;
- Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, thu gom vận chuyển đến nơi đổ quy định, thực hiện 3 lần/365 ngày.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cát dụng cụ tại nơi quy định.

(11). Duy trì cây sanh, si tạo hình

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, bảo vệ cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động.

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, bảo vệ cảnh giới.
- Cắt tỉa cây theo hình hiện trạng hoặc thống nhất về hình dáng đối với cây mới cắt lần đầu; thực hiện cắt tỉa 03 lần/365 ngày).

- Bón phân vô cơ (02 lần/365 ngày).
- Phun thuốc trừ sâu cho cây (phun 03 đợt, mỗi đợt 2 lần);
- Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, thu gom vận chuyển đến nơi đổ quy định, thực hiện 10 lần/365 ngày.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa, cát dụng cụ tại nơi quy định.

(12). Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Nhà thầu được đánh giá là “đạt” khi đáp ứng được các yêu cầu Thực hiện các thành phần công việc theo Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý

chất thải rắn sinh hoạt và Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh Ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

1.7. Yêu cầu kỹ thuật về công tác điện:

1.7.1. Quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí.

1.7.1.1. Quy trình vận hành điện CSCC bằng trung tâm điều khiển giám sát:

a) Công tác vận hành trung tâm điều khiển giám sát

- Công tác vệ sinh: Phòng trực gọn gàng sạch sẽ, giám sát bao quát toàn bộ phòng điều hành: hệ thống điện, máy tính chủ, máy tính trạm, phần mềm, máy in, màn hình lớn, modem ADSL, lưu điện, thiết bị ngoại vi, tủ điều khiển giám sát nguồn cụm đèn tín hiệu và các thiết bị phụ.

- Hàng ngày ghi chép nhật ký thông số kỹ thuật các tuyến điện được kết nối về trung tâm điều khiển:

+ Số liệu các tuyến điện vận hành/ ca (Tăng, giảm; nguyên nhân...);

+ Kết quả sáng, tối tuyến/ ca.

+ Ghi chép kết quả số liệu bóng điện cháy, hỏng (kết quả được cập nhật báo cáo về Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Tuần Châu 1 tuần/ lần).

+ Điện áp (dòng) các pha/ tuyến/ca (tăng, giảm; nguyên nhân...).

+ Ghi chép tình hình kết nối (đường truyền) về trung tâm của các tủ, trạm: Kết quả mức độ đường truyền tín hiệu (Ổn định; không ổn định; Mất mạng).

+ Thông báo sự cố cho công nhân quản lý tuyến sửa chữa, khắc phục sự cố đến hiện trường thực hiện kiểm tra sự cố, lưới đèn (nguyên nhân mất nguồn, mất pha, cháy bóng...) các sự cố nhỏ phải khắc phục sự cố ngay trong đêm; Kết quả báo cáo lại trung tâm cập nhật theo dõi.

+ Điều chỉnh thời gian đóng cắt hệ thống chiếu sáng tại các khu vực, tuyến điện từ trung tâm theo yêu cầu của bên A, giảm tiêu thụ điện năng nhưng phải đảm bảo an toàn.

+ Kiểm tra các tín hiệu kết nối trước và sau khi đóng điện lưới, đường truyền.

b) Lực lượng cán bộ, công nhân viên tham gia gói thầu

(1) Cán bộ phụ trách điều hành chung, đội trưởng và đội phó:

- Cán bộ phụ trách điều hành chung là người điều hành tất cả các nội dung liên quan đến dự án, thay mặt Nhà thầu giao dịch trực tiếp với các cán bộ/phòng ban liên quan của Chủ đầu tư và phối hợp với các phòng ban liên quan của Nhà thầu. Đội trưởng và đội phó điều hành các hoạt động tại hiện trường chỉ huy các cán bộ giúp việc để điều hành gói thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn công trình và an toàn vệ sinh lao động.

(2) Cán bộ kỹ thuật

- Xử lý các sự cố kỹ thuật tại hiện trường đảm bảo an toàn, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành và tiến độ đề ra.

- Bộ phận này không những có trách nhiệm kiểm tra, các phân công việc thuộc về kỹ thuật trên hiện trường mà còn có nhiệm vụ thiết lập và lưu trữ hồ sơ trong từng hạng mục công việc, phục vụ cho công tác thanh quyết toán và hoàn thiện hồ sơ công trình.

(3) Công nhân quản lý tuyến (hiện trường)

+ Sau khi nhận được thông tin của bộ phận trực giám sát trung tâm phải có mặt tại hiện trường để thực hiện tìm nguyên nhân khắc phục sửa chữa theo yêu cầu của bộ phận trực tại trung tâm.

+ Kiến nghị sửa chữa, thay thế (nếu có).

+ Ghi chép chỉ số công tơ điện: 1 lần/tháng vào ngày 15 hàng tháng.

+ Vệ sinh tủ điện, các thiết bị trong tủ điện định kỳ (2 lần/tuần): có nhật ký ghi chép theo dõi tình trạng hoạt động các thiết bị contactor, aptomat, rowle thời gian (nếu có), cầu chì, ổn áp, ắc quy, bộ điều khiển, vỏ tủ ... để tại tủ sau mỗi lần kiểm tra ghi chép, kiến nghị sửa chữa (nếu có).

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác sửa chữa bảo hành, đóng cắt điện, sự cố do tai nạn giao thông, giải phóng mặt bằng...

c) Công tác quản lý tài sản đơn vị quản lý vận hành thực hiện

- Theo Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị.

- Quản lý tài sản trang thiết bị tại trung tâm điều khiển và các thiết bị tại trạm, tủ điện, tuyến điện, cột điện, đường dây theo quy định.

d) Công tác an toàn phòng chống cháy nổ:

- Thực hiện đúng quy định, quy trình về công tác phòng chống cháy nổ tại trung tâm điều khiển giám sát, tuyến điện, tủ, trạm điện...

1.7.1.2. Quy trình vận hành điện chiếu sáng công cộng bằng đồng hồ hẹn giờ

- Các tuyến điện vận hành bằng đồng hồ hẹn giờ (loại 01 chế độ và 02 chế độ) thực hiện quy trình theo Quyết định số 594/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng, cụ thể:

Thành phần công việc:

+ Hàng ngày đóng, ngắt, kiểm tra lưới đèn.

+ Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra máy, kiểm tra tín hiệu trực máy.

+ Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối.

+ Xử lý sự cố nhỏ: tra chì, đấu tiếp xúc, báo công tơ điện mất nguồn.

+ Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện.

+ Kiến nghị sửa chữa thay thế.

+ Kiểm tra thông số của trạm (tủ điện): Đo điện áp, đo điện đầu và cuối nguồn, dòng điện các pha A, B, C;

1.7.1.3. Quy trình quản lý trạm biến áp

Thành phần công việc:

+ Hàng ngày kiểm tra máy, dàn, ghi nhật ký.

+ Kiến nghị sửa đổi khi có sự cố.

1.7.1.4. Nguyên tắc chung về công tác vận hành Điện CSCC:

a. Quản lý, bảo trì và vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị phải đảm bảo về chiếu sáng, an toàn, tiết kiệm điện, phòng chống cháy nổ và đạt tỷ lệ bóng sáng tối thiểu như sau:

- Đối với đường phố là 98%;
- Đối với ngõ xóm là 95%;
- Đối với công viên vườn hoa là 98%.

b. Thời gian vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng được điều chỉnh theo từng mùa và giảm thiểu số bóng sáng hoặc tiết giảm cường độ bóng sáng sau 23 giờ đêm để tiết kiệm điện năng như sau:

- Điều chỉnh thời gian đóng cắt hệ thống chiếu sáng tại các khu vực, tuyến điện từ trung tâm theo yêu cầu của bên A, giảm tiêu thụ điện năng nhưng phải đảm bảo an toàn.

- Áp dụng các biện pháp giảm điện năng tiêu thụ nhưng phải đảm bảo an toàn trong các thời gian lưu lượng giao thông thấp (từ 23 giờ đến sáng hôm sau): chuyển sang chế độ tiết giảm từ 25 đến 40% công suất).

(Khi có thay đổi thời gian đóng cắt điện cho phù hợp với thực tế (theo mùa) Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Tuần Châu sẽ có văn bản gửi đơn vị quản lý vận hành để thực hiện).

c. Tất cả các việc vận hành từng trạm (tủ), trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng công cộng được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ nhật ký vận hành hàng ngày.

d. Ban quản lý các dịch vụ công ích có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác quản lý vận hành trạm và hồ sơ nhật ký vận hành làm cơ sở để thanh quyết toán theo quy định.

1.7.1.5. Công tác thay thế vật tư; thiết bị duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

- Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng có trách nhiệm lập biên bản thống kê xác nhận khối lượng làm cơ sở báo cáo Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Tuần Châu và UBND phường Tuần Châu các vật tư, thiết bị hư hỏng làm cho một hoặc nhiều đèn không hoạt động bình thường hoặc có khả năng gây nguy hiểm cho người và tài sản cần được thay thế kịp thời để duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng hoạt động.

- Thường xuyên cập nhật bóng cháy hỏng, hỏng thiết bị trong tủ và trên tuyến làm cơ sở báo cáo, đề xuất kiến nghị sửa chữa.

- Khi nhà thầu thay thế ắc quy lưu điện phải báo chủ đầu tư, chủ đầu tư đồng ý mới được phép thay (có biên bản xác nhận).

1.7.1.5. Công tác quản lý hệ thống cột đèn chiếu sáng.

- Nghiêm cấm việc treo dây, cáp và các vật khác không đúng quy định trên các cột đèn trang trí, chiếu sáng, khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị quản lý.

- Khi có sự cố, các tình huống khẩn cấp, đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng báo cáo Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Tuần Châu phối hợp khắc phục sự cố:

+ Khắc phục tạm thời (để đảm bảo an toàn, đảm bảo không ùn tắc giao thông...) chậm nhất là sau 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Trong giai đoạn khắc phục tạm thời, phải đảm bảo các tuyến đường dây, cáp vận hành thông suốt và đảm bảo an toàn tại hiện trường.

+ Khắc phục triệt để chậm nhất là sau 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Đối với những trường hợp đòi hỏi thời gian khắc phục triệt để kéo dài cần phải trồng cột mới thay thế.

+ Đối với sự cố lớn, sự cố bất khả kháng báo cáo sự cố với Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Tuần Châu bằng điện thoại, biên bản hoặc văn bản (không quá 72 giờ).

+ Công tác quản lý vận hành điện bao gồm các trạm theo danh sách và toàn bộ các mảng đèn trang trí được bố trí trên các đường trục chính của thành phố.

- Mọi tổ chức, cá nhân khi gắn những thiết bị khác vào hệ thống cột đèn chiếu sáng công cộng phải có văn bản thỏa thuận của đơn vị quản lý trực tiếp hệ thống chiếu sáng công cộng và được UBND phường phê duyệt.

1.7.1.6. Hành lang bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng

- Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm, lấn chiếm, câu móc, sử dụng điện từ hệ thống chiếu sáng công cộng vào mục đích khác; xây dựng hoặc tiến hành các hoạt động trái phép trong phạm vi bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng.

- Đơn vị được giao quản lý trực tiếp hệ thống chiếu sáng công cộng có trách nhiệm bảo vệ, kiểm tra, phát hiện, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hệ thống chiếu sáng công cộng.

1.7.1.7. Công tác tiếp nhận bàn giao các công trình chiếu sáng công cộng đô thị mới xây dựng và quản lý, vận hành.

- Đối với dự án lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng mới được UBND phường Tuần Châu giao quản lý vận hành, Công ty có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý theo quy định. Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Tuần Châu có trách nhiệm lập hồ sơ dự toán trình duyệt và ký bổ sung hợp đồng trong công tác quản lý, vận hành để đảm bảo thời gian quản lý vận hành tuyến điện được duy trì liên tục.

1.7.2. Duy trì Quản lý máy biến thế đèn công cộng:

1.7.2.1. Quy trình quản lý trạm biến áp

Thành phần công việc:

+ Kiểm tra máy, dàn, ghi nhật ký: 1 tháng 02 lần.

+ Kiến nghị sửa đổi khi có sự cố.

Trong quá trình vận hành, những thủ tục kiểm tra thường lệ dưới đây bắt buộc phải thực hiện đầy đủ.

- Kiểm tra mức dầu .

Xem chỉ thị mức dầu ở phía trên ống đổ dầu, nếu có màu trắng báo hiệu máy đầy dầu, nếu có màu đỏ báo hiệu máy thiếu dầu bổ sung cho đầy.

- Van giảm áp .

Van giảm áp dùng làm giảm áp suất của máy biến áp khi xuất hiện sự cố bên trong máy biến áp như chạm Vỏ, ngắn mạch giữa các pha .v.v... Khi áp suất bên trong máy biến áp lớn hơn 0.35-0.5bar thì van giảm áp sẽ tự động mở cho áp suất thoát ra và tự động đóng lại khi áp suất giảm xuống. Nếu van liên tục tác động mà không có dấu hiệu dừng lại phải cps hướng xử lý và khắc phục.

- Vận hành điều chỉnh điện áp .

Đối với máy biến áp dùng điều chỉnh điện áp không tải. Việc điều chỉnh điện áp chỉ được tiến hành khi máy biến áp được cắt ra khỏi lưới và tải.

Cách sử dụng điều chỉnh: Vận lỏng nắp trên của điều chỉnh ra, sau đó kéo tay nắm điều chỉnh lên và đồng thời xoay về nấc cần đặt sao cho mỏ của điều chỉnh đúng số ghi trên nấc của điều chỉnh. Cuối cùng ấn tay nắm điều chỉnh xuống và vận chặt nắp của điều chỉnh lại.

- Nhiệt kế .

Nhiệt kế có thể được cung cấp để đo nhiệt độ lớp dầu trên cùng

* Nhiệt kế chỉ nhiệt độ không có tiếp điểm .

Nhiệt kế loại này có một kim chỉ nhiệt độ hiện tại và một kim chỉ nhiệt độ lớn nhất (có thể đặt lại vị trí được) . Không có tiếp điểm

Khi kiểm tra nhiệt kế, thấy kim chỉ nhiệt độ lớn nhất ở vị trí 100°C hoặc lớn hơn phải đặt lại vị trí của kim này ở mức thấp hơn và kiểm tra lại trong khoảng thời gian 1 tháng. Nếu nhiệt độ lớn nhất đạt 100°C hoặc lớn hơn kể từ lần đọc trước, thì điều đó có nghĩa là máy biến áp quá tải hoặc thông gió không đủ phải giảm tải cho máy biến áp hoặc phải kiểm tra thông gió có đủ không. Máy biến áp chỉ được vận hành lại khi một trong hai điều kiện đó được đáp ứng.

* Nhiệt kế chỉ nhiệt độ, có hai tiếp điểm .

Các tiếp điểm tín hiệu này dùng cho mạch báo động và mạch hành trình. Do đó việc nối các tiếp điểm này với các thiết bị đóng cắt là hết sức cần thiết.

Thông thường tín hiệu báo động được thiết lập ở 90°C và tín hiệu hành trình là 100°C.

* Role hơi .

Role hơi dùng để cung cấp tín hiệu cho các thiết bị bảo vệ máy biến áp khi trong máy xuất hiện khí bởi một nguyên nhân nào đó hoặc khi máy bị rò dầu.

Role hơi cũng được tiến hành kiểm tra sau khi đã được lắp ráp, bao gồm mạch báo chuông và mạch cắt. Việc kiểm tra này thực hiện bằng cách ấn nút kiểm tra và bơm khí vào trong rơ le qua van để kiểm tra sự tác động của các tiếp điểm tương ứng.

* Phụ tải của máy biến áp HBT .

Theo tiêu chuẩn IEC60076-1 điều kiện làm việc thông thường cho một máy biến áp phân phối ngâm dầu làm mát bằng không khí là:

- Độ cao nơi lắp đặt máy không vượt quá 1000m so với mực nước biển :

+ Giới hạn nhiệt độ môi trường từ 5°C đến +45°C .

+ Nhiệt độ không khí bình quân trong tháng không quá 35°C .

- Mức giới hạn độ tăng nhiệt đối với máy biến áp ngâm dầu, làm mát bằng không khí với mức nhiệt độ dùng cho cấp cách điện A là :

+ Độ tăng nhiệt độ cuộn dây tối đa là 65°C .

+ Độ tăng nhiệt độ lớp dầu trên cùng tối đa là 60°C .

Nếu một máy biến áp được thiết kế với nhiệt độ không khí làm mát vượt quá một trong những giá trị nêu trên thì độ tăng nhiệt độ cho phép đối với cuộn dây, lõi tôn và dầu sẽ phải giảm xuống theo tiêu chuẩn IEC60354

Bội số quá tải theo định mức	Thời gian quá tải (giờ-phút) với mức tăng nhiệt độ của lớp dầu trên cùng so với nhiệt độ không khí trước khi quá tải °C					
	13,5	18	22,5	27	31,5	36
1,05	Lâu dài					
1,10	3-50	3-25	2-50	2-10	1-25	-10
1,15	2-50	2-25	1-50	1-20	0-35	-
1,20	2-05	1-40	1-15	0-45	-	-
1,25	1-35	1-15	0-50	0-25	-	-
1,30	1-10	0-50	0-30	-	-	-
1,35	0-55	0-35	0-15	-	-	-
1,40	0-40	0-25	-	-	-	-
1,45	0-25	0-10	-	-	-	-
1,50	0-15	-	-	-	-	-

- Có giải pháp công nghệ giám sát liên tục 24/7 nhiệt độ của các trạm biến áp nhằm giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, giảm chi phí sửa chữa, khắc phục, đảm bảo cung cấp điện ổn định liên tục trong các dịp quan trọng (ngày lễ, tết...) tại các vị trí trọng yếu.

1.7.3. Công tác thí nghiệm, bảo dưỡng, thay thế thiết bị.

Việc tiến hành thí nghiệm, bảo dưỡng định kỳ thường được tiến hành trong khoảng thời gian nhất định (thường là 1 ngày) do đó việc lên kế hoạch chuẩn bị và thực hiện đúng theo kế hoạch là hết sức quan trọng. Trong đó công việc cắt điện để phục vụ công tác thí nghiệm là công việc hàng đầu để đảm bảo an toàn trong công tác thí nghiệm. Công việc này cần phải giao cho người có chuyên môn và kỹ thuật để thực hiện liên hệ với cơ quan điện lực để kết hợp làm công tác cắt điện được tốt nhất. Khi đã có lịch cắt điện cụ thể đội trưởng đội thí nghiệm phải chuẩn bị các máy móc dụng cụ thí nghiệm hệ thống tiếp địa cần thiết cho công tác thí nghiệm để tổ chức thực hiện công việc trên công trường. Trước khi thí nghiệm các thiết bị cần được tháo rời các đầu dây để công tác thí nghiệm được chuẩn xác. Công việc tháo các đầu dây cần được cán bộ kỹ thuật giám sát và đánh dấu các đầu dây để thuận lợi cho công tác đấu nối lại.

Việc thí nghiệm định kỳ luôn đi kèm với việc bảo dưỡng thiết bị máy móc. Các thiết bị máy móc qua một thời gian hoạt động thì luôn bụi bẩn, ôxy hóa, các điểm đấu nối có thể bị lỏng do đó việc bảo dưỡng sẽ đảm bảo toàn bộ hệ thống được sạch sẽ, toàn bộ các điểm đấu nối sẽ được xiết lại chặt. Việc bảo dưỡng phần cơ cùng với việc thí nghiệm định kỳ đánh giá chất lượng các thiết bị phân điện cho ta cái nhìn tổng quan về hệ thống điện hiện tại để chủ động phương án vận hành, nâng cấp, sửa chữa phù hợp với kế hoạch.

Công tác thí nghiệm điện bao gồm các công tác sau:

- + Đánh giá thiết bị, phát hiện những hư hỏng.
- + Kiểm tra sự hoạt động của thiết bị trong tổng thể công trình.
- + Đưa ra những kết luận cuối cùng.
- + Công tác đánh giá chất lượng.
- + Đánh giá thiết bị.

Sử dụng các thiết bị thí nghiệm chuyên dụng tiến hành đo đạc lấy số liệu của từng thiết bị.

Sử dụng các thiết bị thử nghiệm thử khả năng chịu đựng của thiết bị theo tiêu chuẩn (VD: khả năng chịu đựng điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp...).

So sánh các số liệu đo được giữa các thiết bị cùng loại, giữa các pha với nhau trong máy biến áp và với các tiêu chuẩn có tính pháp lý (TCVN, IEC, EVN, nhà sx...) để đánh giá thiết bị điện.

- + Kiểm tra sự hoạt động của thiết bị :

Dựa vào các thiết kế có tính pháp lý để kiểm tra sự hoạt động của từng thiết bị có đúng với thiết kế.

1.7.4. Các yêu cầu về chủng loại chất lượng vật tư, thiết bị.

Vật tư, phụ kiện, thiết bị bất kỳ do bên Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại, mã hiệu, qui cách, nước sản xuất, mới 100% và phải được tổ chức nghiệm thu chặt chẽ trước khi đưa vào sử dụng trên cơ sở danh mục vật tư, thiết bị đã thống nhất giữa Nhà thầu với đại diện Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế. Chỉ có sự chấp thuận của đại diện Chủ đầu tư, giám sát A, Nhà thầu mới được phép đưa vật tư hay thiết bị vào thay thế, sửa chữa cho công trình.

Khi phát hiện vật tư không đúng thiết kế hay kém chất lượng, Nhà thầu phải đổi vật tư phù hợp đồng thời chịu mọi chi phí thí nghiệm kiểm tra.

Vật tư đưa vào công trình do Nhà thầu bảo quản. Mọi mất mát, hư hỏng Nhà thầu chịu trách nhiệm.

1.8. Sửa chữa điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí trên địa bàn Phường:

1.8.1. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thi công hoàn thiện các hạng mục công việc theo bảng khối lượng kiểm đếm các bóng cháy hỏng trên địa bàn Phường giữa chủ đầu tư, các phòng ban và nhà thầu. Thời gian thi công: 20 ngày/lần sửa (sau khi kiểm đếm khối lượng).

Thời gian thi công công trình tính theo ngày dương lịch (kể cả ngày Thứ bảy, Chủ nhật trừ ngày Lễ, Tết).

Thời gian từng đợt thi công tính từ ngày được lệnh khởi công công trình theo yêu cầu của Bên mời thầu cho đến ngày nghiệm thu công trình.

1.8.2. Các yêu cầu về chủng loại chất lượng vật tư, thiết bị.

Vật tư, phụ kiện, thiết bị bất kỳ do bên Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại, mã hiệu, qui cách, nước sản xuất, mới 100% và phải được tổ chức nghiệm thu chặt chẽ trước khi đưa vào sử dụng trên cơ sở danh mục vật tư, thiết bị đã thống nhất giữa Nhà thầu với đại diện Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế. Chỉ có sự chấp thuận của đại diện Chủ đầu tư, giám sát A, Nhà thầu mới được phép đưa vật tư hay thiết bị vào thay thế, sửa chữa cho công trình.

Khi phát hiện vật tư không đúng thiết kế hay kém chất lượng, Nhà thầu phải đổi vật tư phù hợp đồng thời chịu mọi chi phí thí nghiệm kiểm tra.

Vật tư đưa vào công trình do Nhà thầu bảo quản. Mọi mất mát, hư hỏng Nhà thầu chịu trách nhiệm.

Chủ đầu tư có thể yêu cầu thử nghiệm thiết bị đảm bảo kết nối tương thích với Trung tâm điều khiển chiếu sáng của Phường với thiết bị do nhà thầu đề xuất.

1.8.3. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

*** Công tác chuẩn bị**

+ Lực lượng CBCNV tham gia thi công:

- Ban chỉ huy công trường bao gồm: Cán bộ phụ trách chung, chỉ huy trưởng công trường, cán bộ kỹ thuật thi công trực tiếp; Bộ phận quản lý an toàn lao động trên công trường.

- Các Bộ phận thi công gồm các tổ đội công nhân trên công trường như sau: Tổ lắp đặt thiết bị, tổ gia công cơ khí, tổ kéo cáp & đấu nối, tổ xây dựng, Bộ phận vận hành và chạy thử.

- Từng hạng mục sẽ bố trí các tổ đội công nhân thi công riêng biệt và luân chuyển một cách hợp lý.

- Lực lượng bao gồm:

(1) Chỉ huy trưởng:

- Chỉ huy trưởng là người điều hành chung tất cả các hoạt động tại hiện trường, thay mặt Nhà thầu giao dịch trực tiếp với các cán bộ/phòng ban liên quan của Chủ đầu tư và phối hợp với các phòng ban liên quan của Nhà thầu; Chỉ huy các cán bộ giúp việc để điều hành thi công theo đúng khối lượng, vị trí đã kiểm kê, rà soát, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn công trình và an toàn vệ sinh lao động.

(2) Cán bộ kỹ thuật:

- Giúp Chỉ huy trưởng công trình về mặt kỹ thuật trên công trường, cụ thể: Hướng dẫn các tổ thi công bằng thủ công và cơ giới thực hiện công việc đúng theo đúng khối lượng, vị trí đã kiểm kê, rà soát, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành và đảm bảo tiến độ đề ra.

- Bộ phận này không những có trách nhiệm kiểm tra, các phân công việc thuộc về kỹ thuật trên công trường mà còn có nhiệm vụ thiết lập và lưu trữ hồ sơ trong từng hạng mục công việc, phục vụ cho công tác thanh quyết toán và hoàn thiện hồ sơ công trình.

(3) Bộ phận an toàn

- Bộ phận an toàn gồm an toàn chuyên trách và bán chuyên trách là kỹ thuật viên, phó chỉ huy công trường giám sát thi công.

- Tổ chức - tổng hợp - lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị khi thi công công trình.

- Kiểm tra, giám sát công tác an toàn, vệ sinh lao động- PCCN- BVMT trên công trường, luôn luôn nhắc nhở, đôn đốc cán bộ công nhân viên chấp hành đầy đủ nội quy và quy định về an toàn trên công trường; cán bộ an toàn bán chuyên trách là các phó chỉ huy công trường, cán bộ kỹ thuật; an toàn vệ sinh viên các tổ hoạt động theo quy định về an toàn vệ sinh lao động - bảo vệ môi trường.

(5) Bộ phận vật tư, thiết bị

- Có trách nhiệm kiểm tra vật tư, thiết bị đưa vào sử dụng cho công trình về: Số lượng, nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu... đảm bảo đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt và yêu cầu của chủ đầu tư.

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời các vật tư, máy móc thiết bị để đảm bảo tiến độ thi công công trình.

(6) Bộ phận thi công:

- Gồm Kỹ sư, giám sát, tổ trưởng, công nhân kỹ thuật và một số lao động phổ thông. Tổ chịu sự quản lý trực tiếp và phân công công việc thực hiện của chỉ huy trưởng công trình. Tổ trưởng chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo công việc cho các công nhân trong tổ thực hiện công việc đảm bảo an toàn và chất lượng công trình.

- Trong quá trình thực hiện công việc nếu có vướng mắc hoặc phát hiện các sự cố bất thường hay sai lệch về hồ sơ thiết kế phải kịp thời báo cáo ngay cho chỉ huy trưởng công trình hoặc Bộ phận thiết kế để biết và xử lý.

- Trong tổ có thể biên chế thành nhiều tổ cho phù hợp với điều kiện, phạm vi thi công, quản lý, sinh hoạt, v.v... của từng đội

(7) Bộ phận chạy thử

Trước khi bật nguồn cấp cho thiết bị cần kiểm tra cách điện của cáp, kiểm tra nối đất thiết bị hoặc tủ đã đảm bảo.

- Kiểm tra các tín hiệu từ thiết bị về trung tâm điều khiển.

1.8.4. Công tác tổ chức, thi công, cung cấp dịch vụ

a. Công tác chuẩn bị thi công

* *Trên hiện trường:*

+ Khi nhận bàn giao công trình Nhà thầu thực hiện công tác theo các nội dung sau:

- Định vị công trình theo khối lượng đã kiểm kê.

- Kiểm tra, khống chế cao độ, góc theo các phương của các bộ phận công trình.

- Cán bộ phận phụ trách công tác trắc địa có chuyên môn vững vàng.

- Công tác trắc địa, định vị công trình tuân theo tiêu chuẩn TCVN 309:2004.

+ Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương họp bàn thống nhất để chuẩn bị mặt bằng thi công cũng như trong suốt quá trình thi công không gây mất an toàn, không gây ảnh hưởng đến việc sinh hoạt và đi lại của dân cư trong khu vực thi công.

* *Bố trí lực lượng và phương tiện máy móc thi công:*

- Nhà thầu sẽ tự liên hệ và xin giấy phép để vận chuyển các vật tư, thiết bị, máy móc đến công trình. Các thiết bị máy móc được tập kết trước khi tiến hành thi công.

b. Biện pháp tổ chức thi công chi tiết:

Các công tác tháo lắp, sửa chữa, thay thế các linh kiện, vật tư của hệ thống chiếu sáng công cộng được thực hiện tại hiện trường.

* **Lắp đặt, đấu nối linh kiện chóa đèn:**

- Tại các vị trí thay thế, sửa chữa các linh kiện chóa đèn cần sử dụng xe nâng phải có biển báo, căng dây cảnh báo và bố trí người cảnh giới cho các phương tiện giao thông qua lại.

- Khi thi công tháo lắp, thay thế các linh kiện của chóa đèn cần chú ý ngắt nguồn điện, được công nhân bậc từ 4/7 trở lên thực hiện tháo lắp, thay thế và phải sử dụng các dụng cụ cách điện chuyên dụng.

* **Lắp đặt, đấu nối thiết bị tủ điện:**

- Ở các vị trí thay thế thiết bị tủ điều khiển chiếu sáng, cần ngắt nguồn cấp điện cho tủ, được kỹ sư bậc từ 4,5/8 trở lên thực hiện tháo lắp thiết bị và phải sử dụng các dụng cụ cách điện chuyên dụng.

* **Kiểm tra, nghiệm thu bộ phận bị che khuất.**

- Khi thi công bộ phận bị che khuất Nhà thầu phải có phiếu yêu cầu nghiệm thu trước 24 giờ cho đơn vị giám sát biết để tiến hành kiểm tra, nghiệm thu bộ phận che khuất trước khi bị che lắp, chuyển giai đoạn thi công.

- Phải có biên bản kiểm tra, nghiệm thu chất lượng phần che khuất mới được chuyển bước thi công.

* **Biện pháp đấu nối hoàn thiện đóng điện và bàn giao công trình:**

+ Trước khi kết thúc công tác sửa chữa, thay thế phải tiến hành các kiểm tra sau đây đối với tất cả các mạch:

- Kiểm tra thông mạch.

- Kiểm tra cách điện, kiểm tra điện trở tiếp đất.

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật chiếu sáng (độ rọi, độ chói, độ đồng đều ...)

- Các kiểm tra khác nhằm đảm bảo toàn bộ hệ thống hoạt động đúng chức năng, các chỉ tiêu kỹ thuật nêu ra trong hồ sơ thiết kế đều thỏa mãn.

+ Tất cả các sai sót, hỏng hóc về vật liệu hoặc trong công tác xây lắp phát hiện ra trong quá trình kiểm tra phải được sửa chữa hoặc thay thế, sau đó tiến hành kiểm tra lại cho đến khi không còn sai sót, hỏng hóc nào.

1.8.5. Trách nhiệm của nhà thầu:

- Nhà thầu phải chịu sự giám sát của đại diện Chủ đầu tư, giám sát A trong toàn bộ quá trình thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung ứng tất cả lao động, cán bộ giám sát, vật tư, thiết bị, các thứ khác cần thiết cho việc thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu phải tổ chức hệ thống kiểm tra chất lượng và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy trình theo quy định của Nhà nước, của đại diện Chủ đầu tư và Hồ sơ mời thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ; các quy định về quản lý, vận hành đã cam kết trong hợp đồng;

- Quản lý tài sản tại hệ thống cột đồng hồ, tại trung tâm điều khiển và tài sản các tuyến điện đang quản lý (bao gồm các bóng điện, cột điện, dây cáp, tủ điện...), các Trạm biến áp và thiết bị đang quản lý (bao gồm các dây cáp, tủ RMU, Trạm biến áp...), kịp thời báo cáo những sự cố, hư hỏng (báo cáo bằng điện thoại ngay khi sự cố xảy ra báo cáo bằng văn bản trước 06 tiếng sau sự cố).

- Nhà thầu phải có biện pháp: Bảo đảm an toàn lao động; bảo đảm an toàn phòng chống cháy, nổ; ứng phó với các sự cố bất khả kháng (thiên tai lũ lụt, bão gió, công việc phát sinh đột xuất ...vv) làm ảnh hưởng đến việc quản lý vận hành.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ...

- Các quy định khác theo quy trình vận hành.

1.8.6. Trách nhiệm của Đại diện chủ đầu tư:

- Bàn giao mặt bằng đúng thời gian qui định để Nhà thầu thực hiện các công việc của gói thầu.

- Bố trí đầy đủ, thường xuyên lực lượng giám sát viên có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm để làm tốt nhiệm vụ giám sát của đại diện Chủ đầu tư, hợp tác với Nhà thầu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Kịp thời giải quyết các khó khăn trở ngại, phát sinh trong quá trình thực hiện để không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công Nhà thầu.

2. Yêu cầu kỹ thuật về an toàn lao động:

- Nhà thầu có trách nhiệm trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động, cụ thể: giày bảo hộ lao động, mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ lao động, đeo găng tay, mắt kính chống vật bắn, khẩu trang ngăn ngừa mùi khí độc hại và một số trang bị chuyên dụng tùy vị trí và công việc.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động tại các vị trí thực hiện dịch vụ. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải ngừng ngay công việc để khắc phục đảm bảo an toàn.

- Nhà thầu phải có bản cam kết thực hiện các yêu cầu nêu trên; Cam kết tự chịu trách nhiệm an toàn lao động cho công nhân của mình, cho thiết bị và những người xung

quanh; Chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra các sự cố chủ quan gây mất an toàn lao động do không thực hiện đúng quy trình, quy phạm. Cam kết của nhà thầu là căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện của nhà thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm toàn diện về an toàn của tất cả các hoạt động tại khu vực thi công trong suốt quá trình từ khi nhà thầu nhận mặt bằng thi công đến khi kết thúc hợp đồng, bao gồm:

- An toàn đối với con người (công nhân, cán bộ thi công của nhà thầu, và tất cả những người khác có mặt tại khu vực thi công và các khu vực khác có liên quan).

- An toàn phòng chống cháy nổ trong khu vực thi công và các khu vực khác có liên quan.

- Bảo đảm trật tự, an ninh.

- Tổ chức học tập và cho tập huấn cho công nhân về an toàn lao động nêu rõ chương trình cụ thể về thời lượng sẽ được áp dụng cho công tác này.

- Bộ máy quản lý an toàn lao động trên công trường: thuyết minh đầy đủ về chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của một số đầu mối chủ chốt trong hệ thống an toàn lao động sẽ được áp dụng trên công trường.

- An toàn trong mùa mưa bão: Xác định khả năng và các nguy cơ ảnh hưởng của mưa bão đến quá trình thực hiện. Tổ chức bộ máy phòng chống lụt bão tại công trình (có sơ đồ tổ chức bộ máy). Nêu rõ tên người phụ trách, quyền hạn và chức năng nhiệm vụ các bộ phận chủ chốt trong công tác phòng chống lụt bão. Công tác chuẩn bị cho việc phòng chống mưa bão. Giải pháp thi công trong mùa mưa. Giải pháp chống bão và khắc phục sự cố do mưa bão gây ra.

3. Yêu cầu kỹ thuật về phòng, chống cháy, nổ:

- Nêu rõ các tiêu chuẩn về phòng chống cháy nổ sẽ được tuân thủ.

- Xác định các nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra trong thi công và nguyên nhân.

- Các giải pháp phòng ngừa nguy cơ cháy nổ.

- Các giải pháp chữa cháy và khắc phục sự cố.

4. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Nhà thầu phải có cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô tính chất gói thầu, trong đó phân định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, thành viên liên danh (nếu có) để triển khai gói thầu.

- Lập kế hoạch, tiến độ và biện pháp thực hiện công việc và báo cáo chủ đầu tư để chủ đầu tư giám sát, theo dõi

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo yêu cầu của chủ đầu tư bằng hình thức nhật ký công việc.

- Trong các cuộc họp triển khai công việc do chủ đầu tư tổ chức, nhà thầu phải bố trí cán bộ quản lý chung, người đại diện pháp luật hoặc người được người đại diện pháp luật uỷ quyền tham dự.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu gây ảnh hưởng đến môi trường và các hành vi khác gây thiệt hại khác.

- Nhà thầu phải thực hiện tự giám sát, kiểm tra công việc thực hiện để đảm bảo chất lượng.

- Nhà thầu phải có kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng thực hiện, phải có bộ phận chuyên trách công tác quản lý chất lượng của mình (KCS), có trình độ chuyên môn, bảo đảm hoạt động hiệu quả.

- KCS của Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ, thường xuyên và trung thực chất lượng sản phẩm của Nhà thầu theo đúng quy trình kỹ thuật và nghiệm thu hiện hành.

- Nhà thầu phải tuân thủ sự quản lý, giám sát chất lượng thi công của đại diện Chủ đầu tư, giám sát A.

- Việc quản lý chất lượng, giám sát thực hiện của giám sát A không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót của mình về các vấn đề sai so trong quá trình thực hiện.

- Kết quả kiểm tra được giám sát A ghi vào nhật ký công trình. Nếu có sai phạm sẽ lập biên bản, có biện pháp xử lý với người phụ trách điều hành của Nhà thầu. Giám sát A có quyền yêu cầu Nhà thầu đưa ra khỏi công trình những công nhân có sai phạm lớn về kỹ thuật, chất lượng thi công.

IV. Công tác quản lý, giám sát:

1. Trách nhiệm của nhà thầu:

- Nhà thầu phải chịu sự giám sát của đại diện Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, giám sát trong toàn bộ quá trình thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung ứng tất cả lao động, cán bộ giám sát, vật tư, thiết bị máy móc, xe máy và các vật tư, thiết bị khác cần thiết cho việc thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu phải tổ chức hệ thống kiểm tra chất lượng và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy trình, quy định của Nhà nước, của đại diện Chủ đầu tư và Hồ sơ mời thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ theo các quy trình định mức.

- Nhà thầu phải có biện pháp: Bảo đảm an toàn giao thông; an toàn lao động; đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành máy, thu quét dọn, tưới nước, thu gom, vận chuyển; bảo đảm an toàn phòng chống cháy, nổ; ứng phó với các sự cố bất khả kháng (thiên tai lũ lụt, bão gió, công việc phát sinh đột xuất ...vv) làm ảnh hưởng đến việc thực hiện gói thầu.

2. Trách nhiệm của Đại diện chủ đầu tư:

- Bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định để Nhà thầu thực hiện các công việc

của gói thầu.

- Bố trí đầy đủ, thường xuyên lực lượng giám sát viên có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm để làm tốt nhiệm vụ giám sát của đại diện Chủ đầu tư, hợp tác với Nhà thầu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Kịp thời giải quyết các khó khăn trở ngại, phát sinh trong quá trình thi công để không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công Nhà thầu.

3. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

a. Nhà thầu được đánh giá là “đạt” khi đáp ứng được các yêu cầu: Thực hiện các thành phần công việc theo kế hoạch và quy trình vận hành của gói thầu.

b. Quản lý, giám sát:

Trung tâm cung ứng dịch vụ thực hiện chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng của Nhà thầu cả về thời gian, số lần thực hiện và chất lượng đối với các hoạt động dịch vụ công ích do doanh nghiệp thực hiện. Việc kiểm tra, giám sát được tổ chức thường xuyên, định kỳ và đột xuất đảm bảo đúng yêu cầu về kỹ thuật, quy định.

c. Công tác nghiệm thu:

- Nghiệm thu theo ngày bằng hình thức sổ nhật ký – Cán bộ kỹ thuật A&B được phân công có trách nhiệm ký nghiệm thu công việc thực hiện vào sổ nhật ký theo ngày;

- Nghiệm thu khối lượng theo thực tế.

(Ghi chú: trong thời gian thực hợp đồng có thể sẽ điều chỉnh, cập nhật biến động số lượng, khối lượng, chủng loại cây theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền).

- Nghiệm thu đột xuất hoặc theo vụ việc – Cán bộ kỹ thuật A&B được phân công có trách nhiệm lập biên bản nghiệm thu và ký xác nhận đối với các công việc đột xuất hoặc theo vụ việc;

- Nghiệm thu tháng: Trên cơ sở nghiệm thu hàng ngày, vụ việc và nghiệm thu đột xuất, các bên đối chiếu (kiểm tra hiện trạng nếu thấy cần thiết) thống nhất lập biên bản nghiệm thu định kỳ (tháng) làm cơ sở quyết toán tháng vào ngày đầu tiên của tháng kế tiếp.

d. Thành phần nghiệm thu:

- Nghiệm thu theo ngày và nghiệm thu theo vụ việc: Gồm cán bộ giám sát bên A và bên B được giao nhiệm vụ.

- Nghiệm thu tháng: Lãnh đạo, cán bộ giám sát, bộ phận chuyên môn trực tiếp của các bên A và bên B.

e. Hồ sơ nghiệm thu và biên bản nghiệm thu:

- Biên bản nghiệm thu phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí: Khối lượng sản phẩm dịch vụ đã thực hiện; chất lượng công việc đã hoàn thành; thông số kỹ thuật theo đúng quy định của nhà nước;...

V. Các yêu cầu khác

Kiểm tra, thanh tra của Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước:

Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, giám sát hoặc tổ chức giám định, cơ quan quản lý Nhà nước được quyền đi thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tại hiện trường, tại các nơi sản xuất chế tạo hoặc tại kho bãi của Nhà thầu.

Nhà thầu phải cộng tác và cung cấp hồ sơ, nhân lực, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của các tổ chức nói trên.